

ことば 言葉		アクセント	いみ 意味
最後	(N)	さいご	cuối cùng
夜行バス	(N)	やこうバス	xe buýt đêm
アクセサリー	(N)	アクセサリー	trang sức
チーズ	(N)	チーズ	phô mai
ダイエット	(N)	ダイエット	ăn kiêng
死ぬ	(V I)	しぬ	chết
～中		ちゅう	đang ～
ダイエット中		ダイエットちゅう	đang ăn kiêng
勉強中		べんきょうちゅう	đang học
仕事中		しごとちゅう	đang làm việc